TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIO LINH** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST.
Ngày: 09/9/2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Quỳnh Châu.
- Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Trần Xuân Tưởng.
+ Ông Nguyễn Hữu Luật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nhan Ngọc Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 và các quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 15/7/2019; số 02/2019/QĐST-DS ngày 09/8/2019, giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1978 và anh Võ Xuân L, sinh năm 1970.

Cùng trú tại địa chỉ: thôn, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Anh Võ Xuân L ủy quyền cho chị Trần Thị T tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 04/01/2019).

2. Bị đơn: chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018, đơn sửa đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Ngày 26/10/2016, chị Trần Thị Thu P có vay của nguyên đơn số tiền 59.400.000 đồng, chị P cam kết từ ngày 05/11/2016, chị P trả hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, nếu chị P không thanh toán đầy đủ thì nguyên đơn có quyền khởi kiện ra Tòa án. Từ ngày 05/11/2016 cho đến nay, chị P không thực

hiện việc trả nợ như cam kết. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án án buộc chị Trần Thị Thu P phải trả số tiền nợ là 73.656.000 đồng *(bảy mươi ba triệu sáu trăm năm sáu ngàn đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 59.400.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 05/11/2016 đến ngày 05/11/2018 là 14.256.000 đồng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: Tại Giấy vay nợ đề ngày 26/10/2016 không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất, nhưng trên thực tế, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi 1.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tại biên bản ghi lời khai bị đơn trình bày lãi suất 5.000 đến 6.000đồng/01 triệu đồng/01 ngày là không đúng sự thật. Từ ngày hai bên thống nhất khoản vay với nhau, bị đơn chị Trần Thị Thu P có trả được một ít, cụ thể: Chị T trực tiếp lấy từ chị P tại chợ X, thành phố Đ nhiều lần với số tiền 930.000 đồng; chị P trả góp 12 ngày 480.000 đồng; Chị P nhờ người bà con trả 1.600.000 đồng và có bán cho chị T 1.250.000 đồng tiền thịt bò, tổng cộng số tiền đã trả là 4.260.000 đồng. Do thời gian đã lâu nên chị T không nhớ cụ thể ngày thanh toán, nhưng xác định đều sau ngày 06/11/2016. Nguyên đơn chấp nhận số tiền đã trả được trừ vào tiền gốc, không tính lãi và rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 4.260.000 đồng đã trả. Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị Thu P phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 55.140.000 đồng *(59.400.000đồng – 4.260.000 đồng*) và tiền lãi từ ngày 05/11/2016 đến ngày xét xử 09/9/2019 với lãi suất 9%/năm là 14.115.000 đồng, tổng cộng là 69.255.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2019, bị đơn chị Trần Thị Thu P trình bày:

Đầu tháng 10/2016, chị P có vay nguyên đơn số tiền là 42.000.000 đồng, lãi suất là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Chị P đã thanh toán cho nguyên đơn 1.600.000 đồng tiền lãi; từ ngày 27/10/2016 chị P góp hàng ngày với số tiền 55.000 đồng/ngày, góp được 02 năm thì không góp nữa; chị P có nhờ chị Nguyễn Thị Như Y (*địa chỉ: thôn H, xã G, huyện G)* trả cho chị T 1.600.000 đồng; trong năm 2018, chị P trả cho chị T 2.700.000 đồng; từ ngày 01/11/2018, chị P góp cho chị T 12 ngày, mỗi ngày 40.000 đồng, tổng tiền góp là 480.000 đồng. Theo bị đơn, tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 45.980.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; người tham gia tố tụng là đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tvà anh Võ Xuân L, buộc bị đơn chị Trần Thị Thu P trả cho nguyên đơn số tiền gốc 55.140.000 đồng và 14.115.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 69.255.000 đồng. Chị P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị T và anh Võ Xuân Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Trần Thị Thu Pphải trả số tiền vay là 55.140.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/11/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị Thu P có nơi cư trú tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Nên Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết là đúng quy định theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chị Trần Thị Thu P. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ nhiều lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Thu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

+ Đối với số tiền gốc: Theo giấy vay tiền nguyên đơn nộp cho Tòa án thể hiện ngày 26/10/2016 bị đơn chị Trần Thị Thu P nợ nguyên đơn số tiền 59.400.000 đồng. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2019, chị Trần Thị Thu P thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 26/10/2016 là chử ký của chị Phương, tuy nhiên chị P trình bày chỉ vay của nguyên đơn số tiền là 42.000.000 đồng. Xét thấy việc chị P cho rằng chỉ vay của nguyên đơn 42.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

+ Về việc trả nợ: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2019, chị Trần Thị Thu P trình bày đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 45.980.000 đồng. Ngày 22/4/2019, Tòa án đã ra thông báo số 02/TB-TA, yêu cầu chị P cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả số tiền 45.980.000 đồng cho nguyên đơn, nhưng chị P không cung cấp. Tại Bản tự khai đề ngày 20/5/2019, chị Tthừa nhận chị Pđã trả tổng số tiền là 4.260.000 đồng, gồm: chị P có nhờ người bà con trả 1.600.000 đồng và chị P trả góp 12 ngày được 480.000 đồng theo như trong bản khai ngày 18/4/2019 của chị P, tổng cộng là 2.080.000 đồng. Số tiền còn lại 2.180.000 đồng là do chị T trực tiếp lấy từ chị P tại chợ X, thành phố Đ nhiều lần với số tiền 930.000 đồng và chị P có bán cho chị T 1.250.000 đồng tiền thịt bò. Như vậy, có căn cứ chấp nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 4.260.000 đồng. Ngày 28/6/2019 nguyên đơn có đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 55.140.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/11/2016, với lý do số tiền bị đơn đã trả 4.260.000 đồng được trừ vào khoản tiền gốc 59.400.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 26/10/2016. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được chấp nhận. Buộc chị Trần Thị Thu P phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 55.140.000 đồng (*năm mươi lăm triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng).*

+ Đối với khoản tiền lãi:

Tại Giấy vay tiền ngày 26/10/2016 các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng việc vay tiền có tính lãi với mức lãi suất là 6.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Nguyên đơn chỉ thừa nhận lãi suất 1.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Như vậy là giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng có tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ, được quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam tại thời điểm tháng 11/2016 là 9,0%/năm. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 9%/năm từ ngày 05/11/2016 đến ngày xét xử 09/9/2019 là phù hợp, nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 14.115.000 đồng (55.140.000 x 0,025%/ngày x 1.024 ngày).

Tổng số tiền gốc và tiền lãi buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 69.255.000 đồng (55.140.000 đồng + 14.115.000 đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ phải trả là 3.462.000 đồng (69.255.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005, xử:

Buộc chị Trần Thị Thu P phải trả cho chị Trần Thị T và anh Võ Xuân L số tiền 69.255.000 *đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), trong đó có 55.140.000 đồng tiền gốc và 14.115.000 đồng tiền lãi phát sinh từ ngày 05/11/2016 đến ngày 09/9/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Thu P phải chịu 3.462.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị T và anh Võ Xuân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị T và anh Võ Xuân L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.841.400 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000493 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Trị;*
- *VKSND huyện Gio Linh;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Gio Linh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Quỳnh Châu